

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS -ST
Ngày 11 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Phong

Ông Nguyễn Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T - Sinh năm: 1985 tại Nam Định

Nơi ĐKKHKT: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định, Nơi cư trú: TDP S, Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn N; Con bà: Trần Thị M; Có vợ là Lê Thị T; Có 04 con: lớn sinh năm 2002; nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2020 đến 26/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/02/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn K - Sinh năm: 1968 tại Nam Định

Nơi ĐKKHKT: Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, Nơi cư trú: Xóm 22, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phạm Văn V; Con bà: Phạm Thị T; Có vợ là Vũ Thị N; Có 03 con: lớn sinh năm 1995; nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/08/2005 đánh bạc bị Công an huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2020 đến 26/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/02/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn K1 - Sinh năm: 1977 tại Nam Định

Nơi ĐKKHKT: Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 25, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn K; Con bà: Lã Thị P (Đã chết); Có vợ là Đặng Thị N; Có 02 con: lớn sinh năm 2004; nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2020 đến 26/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/02/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn P - Sinh năm: 1965 tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Đội 13, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn N; Con bà: Phạm Thị H; Có vợ là Đỗ Thị M; Có 03 con: lớn sinh năm 1990; nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2020 đến 26/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/02/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn T và Trần Văn P là công nhân và bảo vệ của xưởng đóng tàu Hoàng Hưởng. Phạm Văn K, Nguyễn Văn K1 là công nhân công ty đóng tàu Tú Cường được cử sang làm công nhân cho xưởng đóng tàu Hoàng Hưởng. Theo dự định, tối ngày 20/02/2020 sẽ hạ thủy tàu trên bãi của xưởng xuống sông Ninh Cơ nên T, K, K1, P và nhiều công nhân khác của xưởng đóng tàu Hoàng Hưởng đã có mặt tại xưởng để chờ nước lên để hạ thủy tàu. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 20/02/2020, T cùng K1, P, K đang ngồi tại lán nghỉ của xưởng. T liên rủ K1, P và K: “Anh em mình làm tý phôm cho vui”. P, K1 và K đều đồng ý rồi tất cả đi vào gian nhà bếp

của xưởng đóng tàu và ngồi xuống chiếu trải sẵn trên nền bếp. T đi về gian nhà mái tôn trong xưởng lấy bộ bài tú lơ khơ rồi cùng P, K1, K đánh bài. T có số tiền khoảng 380.000đ, P có 6.855.000đ, K có số tiền khoảng 1.100.000đ, K1 có số tiền khoảng 1.700.000 đồng dùng chơi đánh bạc ăn tiền.

Cả hội thống nhất chơi bài hình thức “đánh phỏm”, mức chơi là 10, 20, 30, 40, 50 - nghĩa là người đứng thứ nhì, ba, tư phải trả cho người đứng nhất lần lượt là 10.000đ, 20.000đ, 30.000đ. Người không có “phỏm” phải trả 40.000đ, cả ba người chơi phải trả cho người “ù” là 50.000đ.

Các bị cáo chơi đến 20 giờ 45 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- Thu trên chiếu trải tại nền nhà bếp trong xưởng đóng tàu Hoàng Hường số tiền 2.150.000đ và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu xanh.
- Thu trên người Vũ Văn T 7.000đ và điện thoại di động Oppo màu nâu.
- Thu trên người Nguyễn Văn K1 số tiền 550.000đ và 02 điện thoại di động (Samsung Galaxy A5 màu đen và Nokia 225 màu đen).
- Thu trên người Trần Văn P 01 ví da màu đen bên trong có 6.705.000đ và 01 điện thoại di động Nokia 150 màu đen.
- Thu trên người Phạm Văn K 01 ví da màu nâu bên trong có 608.000 đồng.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 05 tháng 5 năm 2020 của VKSND huyện Trực Ninh truy tố các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K, Nguyễn Văn K1, Trần Văn P về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K, Nguyễn Văn K1, Trần Văn P phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt Vũ Văn T từ 09 - 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt Phạm Văn K từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt Nguyễn Văn K1 từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt Trần Văn P từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ.

5. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a,b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ đã cũ. Tịch thu sung ngân sách nhà Nước số tiền 10.020.000đ các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra.

6. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm được cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ đã trực tiếp xâm hại tới trật tự công cộng, làm mất trật tự trị an tại địa phương.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi, ham chơi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Tại CQĐT cũng như tại phiên tòa, các bị cáo cũng đã thừa nhận: Khi bị bắt, Cơ quan Công an đã thu trên chiếu bạc 2.150.000đ và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Thu của Vũ Văn T 7.000đ; Nguyễn Văn K1 550.000đ; Trần Văn P 6.705.000đ; Phạm Văn K 608.000đ các bị cáo đều khai nhận đây là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại CQCSĐT và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản ghi lời khai người làm chứng; Biên bản thu giữ vật chứng.

Từ những chứng cứ nêu trên, HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi đánh bạc ăn tiền (hình thức đánh “Phỏm”) của các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K, Nguyễn Văn K1, Trần Văn P ngày 20 tháng 02 năm 2020 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” - Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 BLHS.

Đánh bạc là một trong các tệ nạn xã hội, không chỉ làm tổn hại đến tài sản của cá nhân, gia đình các bị cáo mà còn là nguyên nhân phát sinh của nhiều loại tội phạm khác nên cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Việc VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K, Nguyễn Văn K1, Trần Văn P về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 BLHS tại bản cáo trạng số 24/QĐ - KSĐT ngày 05 tháng 5 năm 2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc tới các tình tiết:

Các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là người lao động thuần túy, do ham vui nhất thời phạm tội - Đề giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để vừa thể hiện tính nhân đạo, công bằng của pháp luật, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Xét tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy Vũ Văn T là người khởi xướng, chuẩn bị bài cho các đối tượng chơi đánh bạc và tham gia chơi xếp vai trò số 1. Trần Văn P, Nguyễn Văn K1, Phạm Văn K tham gia đánh bạc xếp vai trò số 2.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy: Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 36 BLHS thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên một mức hình phạt để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú đối với bị cáo Vũ Văn T; cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn K1, Trần Văn P như đề nghị của Đại diện VKS là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo: HĐXX xét thấy các bị cáo là người lao động thuần túy, không có thu nhập ổn định, ham vui, nhất thời phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo, không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Văn K1, Trần Văn P.

Đối với 01 ĐTDĐ Oppo màu nâu của Vũ Văn T; 01 ĐTDĐ Samsung Galaxy A5 màu đen và 01 ĐTDĐ Nokia 225 màu đen của Nguyễn Văn K1; 01 ví da màu đen và 01 ĐTDĐ Nokia 150 màu đen của Trần Văn P; 01 ví da màu nâu của Phạm Văn K là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh đã trả lại cho các bị cáo.

Xét thấy việc xử lý vật chứng của CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh là đúng với quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Gian phòng bếp ở bãi đóng tàu Hoàng Hường thuộc quyền quản lý của anh Hoàng Văn N là chủ bãi đóng tàu. Các bị cáo tự ý tụ tập đánh bạc anh N không biết, do vậy không có cơ sở xác định trách nhiệm hình sự đối với anh N.

Số tiền 6.885.000đ mà bị cáo Trần Văn P dùng để đánh bạc trong đó có 6.500.000đ là tiền của chị Trần Thị H (em gái của P, vợ của anh N) đưa cho P để mua đồ dùng sinh hoạt tại xưởng của gia đình chị. Chị Trần Thị H và Trần Văn P tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chị H không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét.

[7] Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a,b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy vật chứng là công cụ thực hiện tội phạm; Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 10.020.000đ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T, Trần Văn P, Nguyễn Văn K1, Phạm Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS:

Xử phạt Vũ Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 11/6/2020). (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 20/02/2020 đến ngày 26/02/2020).

Giao bị cáo Vũ Văn T cho UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo chuyển nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; BLHS:

Xử phạt Phạm Văn K 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 18 ngày do bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 02 năm 2020 đến ngày 26 tháng 02 năm 2020, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS Xử phạt:

Nguyễn Văn K1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 18 ngày do bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 02 năm 2020 đến ngày 26 tháng 02 năm 2020, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS:

Xử phạt Trần Văn P 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 18 ngày do bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 02 năm 2020 đến ngày 26 tháng 02 năm 2020, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a,b khoản 2 Điều 106 BLTTHS – Tuyên:

2.1. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân đã cũ;

2.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.020.000đ (*Mười triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa CQCSĐT Công an huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định ngày 11 tháng 5 năm 2020. Số tiền 10.020.000đ đã được CQCSĐT Công an huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định ngày 11 tháng 5 năm 2020).

3. Án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Vũ Văn T, Trần Văn P, Nguyễn Văn K1, Phạm Văn K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà